

Số: /TTr-STNMT

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc giải quyết thủ tục hành chính đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường) trong diện tích đất của dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;

Xét hồ sơ của Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo¹ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường) trong diện tích đất của dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ, nộp trực tuyến ngày 11/11/2024, thời gian hẹn trả kết quả ngày 21/01/2025 (Hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo Thông báo số 327/TB-STNMT ngày 25/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; nộp trực tuyến ngày 27/11/2024; hạn trả kết quả ngày 13/02/2025).

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo và trình Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản **trong dự án đầu tư xây dựng công trình**

¹ Là nhà thầu thực hiện gói thầu: Thi công san nền (Giai đoạn II), dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ theo Quyết định số 04.11/2024/QĐ-HCL ngày 04/11/2024 của Công ty TNHH HCL về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Thi công san nền (Giai đoạn II), dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ và theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05.11/2024/HĐXD/HCL-KPB ngày 05/11/2024 giữa Công ty TNHH HCL và Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo thực hiện gói thầu: Thi công san nền (Giai đoạn II), dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ.

Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo (sau đây gọi là Công ty) có địa chỉ tại Khu Hữu Nghị, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900865652, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/7/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/12/2023; trong đó có ngành nghề kinh doanh khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo được Công ty TNHH HCL (Doanh nghiệp thực hiện dự án) lựa chọn là nhà thầu thực hiện gói thầu: Thi công san nền (Giai đoạn I), dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ theo Quyết định số 16.10/2023/QĐ-HCL ngày 16/10/2023 của Công ty TNHH HCL về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Thi công san nền (Giai đoạn I), dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ và theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 17.10/2023/HĐXD/HCL-KPB ngày 17/10/2024 giữa Công ty TNHH HCL và Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo thực hiện gói thầu: Thi công san nền (Giai đoạn I), dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ. Công ty được UBND tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 54/GP-UBND ngày 24/11/2013 cho phép khai thác đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên trong khu vực dự án xây dựng công trình Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ tại thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (đối với hạng mục san nền giai đoạn I), với các nội dung chủ yếu như sau:

"1. Diện tích khu vực khai thác: 52.179 m², được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc có tọa độ theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°15', múi chiếu 3° tại Phụ lục và Bản đồ khu vực khai thác kèm theo Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác thấp nhất: + 63,20 m.

3. Khối lượng khai thác: 1.324.398 m³.

4. Thời hạn khai thác: 12 tháng, kể từ ngày ký ban hành Giấy phép".

Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo tiếp tục được Công ty TNHH HCL (Doanh nghiệp thực hiện dự án) lựa chọn là nhà thầu thực hiện gói thầu: Thi công san nền (Giai đoạn II), dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ theo Quyết định số 04.11/2024/QĐ-HCL ngày 04/11/2024 của Công ty TNHH HCL về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Thi công san nền (Giai đoạn II), dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ và theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05.11/2024/HĐXD/HCL-KPB ngày 05/11/2024 giữa Công ty TNHH HCL và Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo thực hiện gói thầu: Thi công san nền (Giai đoạn II), dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ. Để được khai thác khoáng sản (đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường) trong diện đất của dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ (giai đoạn II), Công ty đã lập Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Khoáng sản năm 2010 và khoản 1 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều Luật Khoáng sản, không bắt buộc phải tiến hành thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Khoáng sản năm 2010, bao gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình đề ngày 27/11/2024 (*Kèm theo Văn bản số 27.11/GT-KPB ngày 27/11/2024 của Công ty cổ phần Kim Phúc Bảo về việc giải trình, hoàn thiện Thông báo kết quả thăm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ*).

(2) Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản trong diện tích đất của dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ.

(3) Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 8155551625 (*chứng nhận lần đầu ngày 12/7/2021; chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 22/4/2022*); Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ. Hạng mục: San nền do Công ty TNHH thương mại và xây dựng Song Gia lập năm 2022 đã được Công ty TNHH một thành viên tư vấn đầu tư xây dựng Sơn Nam thẩm tra tại Báo cáo số 07/BCTTr-SN ngày 17/8/2023 và đã được Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng hạ tầng Chi Lăng và Công ty Cổ phần tập đoàn BGI phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công tại Quyết định số 19.08/QĐ-HTCL-BIG ngày 19/8/2023.

(4) Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ.

(5) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900865652, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/7/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/12/2023; Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu (Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo).

2. Những vấn đề liên quan đến việc cấp phép khai thác khoáng sản trong dự án đầu tư xây dựng công trình

2.1. Về khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

- Ngày 11/11/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan² tiến hành kiểm tra thực địa, cho thấy: Khu vực Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản có diện tích là 89.636,35 m² (*được giới hạn bởi các điểm khép góc từ 01 đến 266 trên nền bản đồ địa hình theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°15', múi chiều 3°*), nằm trong ranh giới diện tích 198.217 m² của khu vực thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ đã được: UBND tỉnh Lạng Sơn

² Thành phần theo Giấy mời số 615/GM-STNMT ngày 08/11/2024, gồm: Các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; UBND huyện Chi Lăng; UBND thị trấn Đồng Mỏ; Công ty Cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo (Đơn vị đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản); Công ty TNHH HCL (Doanh nghiệp thực hiện dự án).

chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 05/7/2021; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 8155551625 (*chứng nhận lần đầu ngày 12/7/2021; chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 22/4/2022*).

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty TNHH HCL đã phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện thực hiện giải phóng mặt bằng với diện tích là: 102.576,3m²/198.217m². UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 giao đất cho Công ty TNHH HCL tại dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ (*thay thế Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh giao đất cho Công ty TNHH HCL để thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông Nam, thị trấn Đồng Mỏ*) (Diện tích đất giao: 79.413,1m²). Đối với phần diện tích còn lại chưa được giao đất theo quy định.

- Liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Dự án đã phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Chi Lăng đã được phê duyệt.

- Liên quan đến lĩnh vực Quốc phòng: Khu vực dự án không nằm trong Quy hoạch Bản đồ xác định các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30/5/202023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Liên quan đến quy hoạch 3 loại rừng: Trong toàn bộ diện tích 198.217 m² diện tích để thực hiện dự án, diện tích rừng được chuyển sang mục đích khác để thực hiện dự án là 4,514 ha rừng trồng là rừng sản xuất đã được điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh Lạng Sơn (Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ). Nhà đầu tư đã thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định.

- Liên quan đến quy hoạch các điểm mỏ khoáng sản: Khu vực đề nghị khai thác đất không nằm trong danh mục các điểm mỏ đất san lấp trên địa bàn huyện Chi Lăng tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.2. Về khối lượng đất san lấp đề nghị khai thác

Theo hồ sơ, Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo đề nghị: “(1) *Khối lượng khai thác: 1.245.626m³; Mức sâu khai thác thấp nhất: + 63,20m*” là phù hợp theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ. Hạng mục: San nền do Công ty TNHH thương mại và xây dựng Song Gia lập năm 2022 đã được Công ty TNHH một thành viên tư vấn đầu tư xây dựng Sơn Nam thẩm tra tại Báo cáo số 07/BCTTr-SN ngày 17/8/2023 và đã được Liên danh Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng hạ tầng Chi Lăng và Công ty Cổ phần tập đoàn BGI phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công tại Quyết định số 19.08/QĐ-HTCL-BIG ngày 19/8/2023.

2.3. Về thời hạn khai thác

Theo hồ sơ, Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo đề nghị: “*Thời gian khai thác: 24 tháng kể từ ngày ký Giấy phép*” là phù hợp với tiến độ thực hiện

dự án đã được: UBND tỉnh Lạng Sơn chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 05/7/2021; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 8155551625 (*chứng nhận lần đầu ngày 12/7/2021; chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 22/4/2022*).

2.5. Về vốn chủ sở hữu

Theo Báo cáo tài chính năm 2022 của Cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo có vốn chủ sở hữu dư cuối năm 2022 là 98,1 tỷ đồng. Theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05.11/2024/HĐXD/HCL-KPB ngày 05/11/2024 (*Dự án: Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ; gói thầu: thi công san nền (giai đoạn II)*) giữa Công ty TNHH HCL và Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo, có tổng giá trị hợp đồng là 41,842 tỷ đồng. Như vậy, Công ty có vốn chủ sở hữu trên 30% tổng số vốn thực hiện hạng của dự án.

2.6. Về đầu giá quyền khai thác khoáng sản

Khu vực đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản nằm trong khu vực không đầu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

2.7. Về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất của dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ; tổng số tiền tại thời điểm phê duyệt là 1.366.632.338 đồng (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi tám đồng*); thực hiện nộp 01 lần; đến thời điểm trình đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo đã nộp đủ số tiền 1.366.632.338 đồng (Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 10/12/2024).

2.8. Về thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường) thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản năm 2010.

II. NỘI DUNG TRÌNH

Từ kết quả thẩm định trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh như sau:

1. Cho phép Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo (*Địa chỉ: Khu Hữu Nghị, thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn*) khai thác khoáng sản (đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường) bằng phương pháp lộ thiên trong diện tích đất của dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ.

a) Diện tích khu vực khai thác: 89.636,35 m², được giới hạn bởi các điểm khép góc từ 01 đến 266 trên nền bản đồ địa hình theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰15', múi chiếu 3⁰ tại **Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02** (*Bản đồ khu vực khai thác*) kèm theo Tờ trình này. Trong đó: Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo được phép khai thác đất san lấp đối với phần diện tích đất (79.413,1m²) đã được UBND tỉnh Lạng Sơn giao đất để thực hiện dự án tại

Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 20/10/2024 và đã được UBND huyện Chi Lăng cấp Giấy phép xây dựng số 89/GPXD-UBND ngày 26/9/2023 và Phụ lục điều chỉnh Giấy phép xây dựng lần 1 do UBND huyện Chi Lăng cấp điều chỉnh ngày 26/11/2024; đối với phần diện tích còn lại chỉ được phép khai thác sau khi được UBND tỉnh Lạng Sơn giao đất để thực hiện dự án và được UBND huyện Chi Lăng cấp điều chỉnh Giấy phép xây dựng theo quy định.

b) Mức sâu khai thác thấp nhất: + 63,20 m.

c) Khối lượng khai thác: 1.245.626 m³.

d) Thời hạn khai thác: 24 tháng kể từ ngày ký Giấy phép.

2. Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo có trách nhiệm:

a) Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

b) Tiến hành hoạt động khai thác đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng toạ độ, diện tích, khối lượng quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản.

c) Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình của dự án được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; phải xác định ranh giới, phạm vi thi công, cắm mốc các điểm khép góc khu vực khai thác tại thực địa và thông báo cho UBND huyện Chi Lăng, UBND thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, đề giám sát.

d) Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

đ) Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ đối với hạng mục san nền (giai đoạn II) đã được Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng Chi Lăng và Công ty cổ phần Tập đoàn BGI phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công tại Quyết định số 19.08/QĐ-HTCL-BIG ngày 19/8/2023. Báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

e) Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

f) Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

g) Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản khi đã khai thác hết khối lượng được phép khai thác mà Giấy phép khai thác vẫn còn có hiệu lực; không được sử dụng quyền khai thác đất san lấp trong dự án đầu tư xây dựng công trình vào các

mục đích trái với các quy định của pháp luật có liên quan. Kết thúc khai thác, hoàn trả lại mặt bằng để nhà đầu tư tiếp tục thực hiện dự án Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ theo quy định.

3. Quản lý hoạt động khai thác

a) Giao Cục Thuế tỉnh chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực I theo dõi, yêu cầu đơn vị khai thác thực hiện nghiêm nghĩa vụ về thuế, phí và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

b) Giao UBND huyện Chi Lăng chỉ đạo phòng chuyên môn và UBND thị trấn Đồng Mỏ giám sát, quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác đất san lấp nhằm bảo đảm hoạt động khai thác đúng các nội dung đã được cho phép và có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn theo quy định. Kịp thời phát hiện và đình chỉ hoạt động khai thác nếu Công ty cổ phần Tập đoàn Kim Phúc Bảo không thực hiện đúng các nội dung Giấy phép của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn;
- UBND huyện Chi Lăng;
- Lãnh đạo Sở;
- Công ty cổ phần tập đoàn Kim Phúc Bảo;
- Văn phòng đăng ký đất đai (cập nhật dữ liệu số);
- Cán bộ đầu mối theo dõi;
- Lưu: VT, NKS(LNgS).

GIÁM ĐỐC

Vi Nông Trường

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (ĐẤT SAN
LẤP LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG) TRONG DIỆN TÍCH
ĐẤT CỦA DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ PHÍA ĐÔNG NAM THỊ TRẤN ĐỒNG MỎ**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STNMT ngày / 12/2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn)

Hệ tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trực 107°15' múi chiều 3°)					
Điểm góc	X (m)	Y (m)	Điểm góc	X (m)	Y (m)
1	2395.395,42	430.760,45	134	2395.309,14	430.672,20
2	2395.410,44	430.752,10	135	2395.314,04	430.677,37
3	2395.437,52	430.737,15	136	2395.319,74	430.679,44
4	2395.454,42	430.767,76	137	2395.322,54	430.678,27
5	2395.452,84	430.773,18	138	2395.330,52	430.667,36
6	2395.488,01	430.754,01	139	2395.331,99	430.664,94
7	2395.499,20	430.747,92	140	2395.346,03	430.667,61
8	2395.507,04	430.743,65	141	2395.347,48	430.655,79
9	2395.510,30	430.741,86	142	2395.348,91	430.645,69
10	2395.542,13	430.724,52	143	2395.352,02	430.636,18
11	2395.556,79	430.716,54	144	2395.365,43	430.653,18
12	2395.571,30	430.707,96	145	2395.383,45	430.660,43
13	2395.580,57	430.701,18	146	2395.389,57	430.661,11
14	2395.586,46	430.696,23	147	2395.389,24	430.663,00
15	2395.591,73	430.691,31	148	2395.398,42	430.675,61
16	2395.596,29	430.686,63	149	2395.397,02	430.678,64
17	2395.603,10	430.678,72	150	2395.406,94	430.683,25
18	2395.605,23	430.676,05	151	2395.408,34	430.680,27
19	2395.606,43	430.674,39	152	2395.410,55	430.681,31
20	2395.608,33	430.671,85	153	2395.414,46	430.683,97
21	2395.609,42	430.670,40	154	2395.412,99	430.688,59
22	2395.616,03	430.661,57	155	2395.408,84	430.687,67
23	2395.584,56	430.643,21	156	2395.401,50	430.688,36
24	2395.600,79	430.615,4	157	2395.384,56	430.711,10
25	2395.582,65	430.604,81	158	2395.369,00	430.717,23
26	2395.605,29	430.566,02	159	2395.355,25	430.725,62
27	2395.593,07	430.552,39	160	2395.354,27	430.731,79
28	2395.594,03	430.558,52	161	2395.354,14	430.736,16
29	2395.570,73	430.598,45	162	2395.350,39	430.763,39
30	2395.553,89	430.588,62	163	2395.359,02	430.767,31
31	2395.529,77	430.629,68	164	2395.364,28	430.770,12

32	2395.457,81	430.669,41	165	2395.364,52	430.762,90
33	2395.435,20	430.628,47	166	2395.362,91	430.752,41
34	2395.471,43	430.608,47	167	2395.372,09	430.746,68
35	2395.522,31	430.510,31	168	2395.378,98	430.738,79
36	2395.501,32	430.499,43	169	2395.386,92	430.735,56
37	2395.484,62	430.490,77	170	2395.392,01	430.731,91
38	2395.470,77	430.483,60	171	2395.394,89	430.739,11
39	2395.460,00	430.478,01	172	2395.399,53	430.745,59
40	2395.454,02	430.475,54	173	2395.408,75	430.748,62
41	2395.447,87	430.471,28	174	2395.393,39	430.755,91
42	2395.441,57	430.466,40	175	2395.303,85	430.793,43
43	2395.432,76	430.459,58	176	2395.309,01	430.774,97
44	2395.426,36	430.453,64	177	2395.341,14	430.778,17
45	2395.419,94	430.447,51	178	2395.349,23	430.784,42
46	2395.344,73	430.489,03	179	2395.353,99	430.783,28
47	2395.312,18	430.445,99	180	2395.367,15	430.807,13
48	2395.298,31	430.459,97	181	2395.372,91	430.809,47
49	2395.273,66	430.478,62	182	2395.366,15	430.811,52
50	2395.258,13	430.458,23	183	2395.354,45	430.815,08
51	2395.242,59	430.437,69	184	2395.352,06	430.815,81
52	2395.192,96	430.474,86	185	2395.353,95	430.811,15
53	2395.106,00	430.480,47	186	2395.342,16	430.789,80
54	2395.107,30	430.500,59	187	2395.325,59	430.798,94
55	2395.104,20	430.506,74	188	2395.311,18	430.806,90
56	2395.077,52	430.523,92	189	2395.303,03	430.811,40
57	2395.083,56	430.524,49	190	2395.281,61	430.823,23
58	2395.085,06	430.529,49	191	2395.266,66	430.831,47
59	2395.076,14	430.540,86	192	2395.261,26	430.834,47
60	2395.105,19	430.522,16	193	2395.270,12	430.850,52
61	2395.108,81	430.523,99	194	2395.275,12	430.851,46
62	2395.110,61	430.551,86	195	2395.269,16	430.857,28
63	2395.112,02	430.572,03	196	2395.268,43	430.856,12
64	2395.113,50	430.582,89	197	2395.258,98	430.837,76
65	2395.116,44	430.596,42	198	2395.262,14	430.836,13
66	2395.100,53	430.600,75	199	2395.261,25	430.834,46
67	2395.104,99	430.615,10	200	2395.262,57	430.833,73
68	2395.100,57	430.617,54	201	2395.261,50	430.831,60
69	2395.101,92	430.620,90	202	2395.278,31	430.823,35
70	2395.102,59	430.631,23	203	2395.286,08	430.819,35
71	2395.113,56	430.653,55	204	2395.285,58	430.818,21
72	2395.128,56	430.666,94	205	2395.295,25	430.814,08
73	2395.134,32	430.676,23	206	2395.295,81	430.815,39

74	2395.143,56	430.681,81	207	2395.303,03	430.811,40
75	2395.164,58	430.689,07	208	2395.301,83	430.807,58
76	2395.170,61	430.691,23	209	2395.314,78	430.721,52
77	2395.172,28	430.693,16	210	2395.294,20	430.720,55
78	2395.177,29	430.686,66	211	2395.294,33	430.706,89
79	2395.184,90	430.681,19	212	2395.306,93	430.707,47
80	2395.188,97	430.679,93	213	2395.314,94	430.707,31
81	2395.193,00	430.673,95	214	2395.165,04	430.805,84
82	2395.199,97	430.668,02	215	2395.170,17	430.800,51
83	2395.205,62	430.661,84	216	2395.169,02	430.794,43
84	2395.212,69	430.657,06	217	2395.163,00	430.793,15
85	2395.214,59	430.654,39	218	2395.137,73	430.793,54
86	2395.216,17	430.655,08	219	2395.137,20	430.824,73
87	2395.220,75	430.651,22	220	2395.164,24	430.824,41
88	2395.220,54	430.649,41	221	2395.172,41	430.839,84
89	2395.218,44	430.648,85	222	2395.185,03	430.852,81
90	2395.215,81	430.650,85	223	2395.171,69	430.856,50
91	2395.213,67	430.650,52	224	2395.162,67	430.861,52
92	2395.208,52	430.644,84	225	2395.166,88	430.871,88
93	2395.214,51	430.639,63	226	2395.172,32	430.878,17
94	2395.210,38	430.634,64	227	2395.176,34	430.879,57
95	2395.215,25	430.625,31	228	2395.184,01	430.889,90
96	2395.209,18	430.615,88	229	2395.189,27	430.895,94
97	2395.189,05	430.642,72	230	2395.192,53	430.897,83
98	2395.195,62	430.653,92	231	2395.186,79	430.900,02
99	2395.181,98	430.666,83	232	2395.180,31	430.904,09
100	2395.166,51	430.675,54	233	2395.177,89	430.900,15
101	2395.165,37	430.656,09	234	2395.184,21	430.894,42
102	2395.162,12	430.640,49	235	2395.181,19	430.890,23
103	2395.156,59	430.637,24	236	2395.176,95	430.884,36
104	2395.162,19	430.613,46	237	2395.171,51	430.879,53
105	2395.152,39	430.595,60	238	2395.164,55	430.872,76
106	2395.137,11	430.570,25	239	2395.160,13	430.861,51
107	2395.153,53	430.556,95	240	2395.157,44	430.857,83
108	2395.160,63	430.558,13	241	2395.159,61	430.857,04
109	2395.192,23	430.550,93	242	2395.165,86	430.916,23
110	2395.195,14	430.563,40	243	2395.158,85	430.931,23
111	2395.181,63	430.581,56	244	2395.154,39	430.935,17
112	2395.198,12	430.596,85	245	2395.150,27	430.928,67
113	2395.192,77	430.600,81	246	2395.142,00	430.915,63
114	2395.193,22	430.602,63	247	2395.126,11	430.890,58
115	2395.196,10	430.600,99	248	2395.111,53	430.867,60

116	2395.198,28	430.598,81	249	2395.094,62	430.840,96
117	2395.199,17	430.597,63	250	2395.076,73	430.812,98
118	2395.213,87	430.577,84	251	2395.058,82	430.784,95
119	2395.219,41	430.570,43	252	2395.078,16	430.796,23
120	2395.224,12	430.573,00	253	2395.083,56	430.803,18
121	2395.235,42	430.576,55	254	2395.098,56	430.797,95
122	2395.243,69	430.576,93	255	2395.113,52	430.791,16
123	2395.251,12	430.575,10	256	2395.113,86	430.796,23
124	2395.271,24	430.575,59	257	2395.115,77	430.811,23
125	2395.283,15	430.581,38	258	2395.117,28	430.826,23
126	2395.310,77	430.597,15	259	2395.122,60	430.841,23
127	2395.317,50	430.605,05	260	2395.120,37	430.841,23
128	2395.320,19	430.614,71	261	2395.120,21	430.856,23
129	2395.319,16	430.624,28	262	2395.131,11	430.871,23
130	2395.316,69	430.630,30	263	2395.138,74	430.886,23
131	2395.316,25	430.639,29	264	2395.142,12	430.901,23
132	2395.315,24	430.645,82	265	2395.143,56	430.903,83
133	2395.306,45	430.671,32	266	2395.158,56	430.903,42
Diện tích: 89.636,35 m²					